

CÔNG ĐOÀN NGÀNH Y TẾ

**CÔNG ĐOÀN NGÀNH Y TẾ CƠ SỞ
BỆNH VIỆN ĐKKV NINH HÒA**



**TẬP HUẤN
CÁN BỘ CÔNG
ĐOÀN**

VỀ CÔNG TÁC KIỂM TRA VÀ BAN THANH TRA NHÂN DÂN

**Đ/c VÕ HỮU THU
CHỦ NHIỆM UBKT CĐCS**

1. Ủy ban Kiểm tra Công đoàn (Điều 40 Điều lệ Công đoàn)

1. Ủy ban kiểm tra là cơ quan kiểm tra của công đoàn được thành lập ở các cấp công đoàn, do ban chấp hành công đoàn cấp đó bầu ra và phải được công đoàn cấp trên trực tiếp công nhận.

2. Ủy ban kiểm tra công đoàn mỗi cấp chịu sự lãnh đạo của ban chấp hành công đoàn cấp đó và sự chỉ đạo của ủy ban kiểm tra công đoàn cấp trên.

3. Số lượng ủy viên ủy ban kiểm tra do ban chấp hành công đoàn cùng cấp quyết định, gồm một số ủy viên trong ban chấp hành và một số ủy viên ngoài ban chấp hành; số ủy viên ban chấp hành không được vượt quá một phần ba ($1/3$) tổng số ủy viên ủy ban kiểm tra.

4. Việc bầu ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra tiến hành bằng hình thức bỏ phiếu kín. Người trúng cử phải có số phiếu bầu quá một phần hai ($1/2$) so với tổng số phiếu thu về.

Chủ nhiệm ủy ban kiểm tra công đoàn mỗi cấp, do ban chấp hành công đoàn cấp đó bầu, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra do ủy ban kiểm tra bầu.

Tổ chức cơ sở của công đoàn có dưới ba mươi đoàn viên thì cử một ủy viên ban chấp hành công đoàn làm nhiệm vụ kiểm tra.

1. Ủy ban Kiểm tra Công đoàn (Điều 40 Điều lệ Công đoàn) (tt)

5. Khi mới thành lập hoặc tách, nhập tổ chức công đoàn, công đoàn cấp trên trực tiếp chỉ định ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra lâm thời.

6. Nhiệm kỳ của ủy ban kiểm tra theo nhiệm kỳ của ban chấp hành công đoàn cùng cấp.

7. Ủy viên ủy ban kiểm tra các cấp là cán bộ chuyên trách công đoàn khi thôi không là cán bộ chuyên trách công đoàn thì thôi tham gia ủy ban kiểm tra. Ủy viên ủy ban kiểm tra khi chuyển công tác ra khỏi ngành hoặc địa phương, đơn vị thì thôi tham gia ủy ban kiểm tra công đoàn ở ngành, địa phương, đơn vị đó. Ủy viên ủy ban kiểm tra các cấp khi nghỉ hưu, thôi việc thì thôi tham gia ủy ban kiểm tra kể từ thời điểm nghỉ hưu hoặc thôi việc ghi trong quyết định.

2. Nhiệm vụ của ủy ban kiểm tra công đoàn (Điều 41 Điều lệ Công đoàn)

1. Giúp ban chấp hành, ban thường vụ thực hiện kiểm tra việc chấp hành Điều lệ Công đoàn đối với công đoàn cùng cấp và cấp dưới.
2. Kiểm tra công đoàn cùng cấp và cấp dưới khi tổ chức, cán bộ và đoàn viên có dấu hiệu vi phạm Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị và các quy định của công đoàn.
3. Kiểm tra việc thu, phân phối, sử dụng, quản lý tài chính, tài sản, hoạt động kinh tế của công đoàn cùng cấp và cấp dưới theo quy định của pháp luật và của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.
4. Giúp ban chấp hành, ban thường vụ: giải quyết các khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của công đoàn; tham gia với các cơ quan chức năng nhà nước và người sử dụng lao động giải quyết khiếu nại, tố cáo của đoàn viên, người lao động theo quy định của pháp luật.
5. Tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ công tác kiểm tra đối với ủy viên ủy ban kiểm tra công đoàn cùng cấp và cấp dưới.

3. Quyền của ủy ban kiểm tra công đoàn (Điều 42 Điều lệ Công đoàn)

1. Ủy viên ủy ban kiểm tra được tham dự các hội nghị của ban chấp hành và đại hội hoặc hội nghị đại biểu công đoàn cùng cấp.
2. Báo cáo với ban chấp hành công đoàn cùng cấp về hoạt động kiểm tra công đoàn và đề xuất các nội dung, chương trình công tác của ủy ban kiểm tra trong các kỳ họp thường kỳ của ban chấp hành.
3. Yêu cầu đơn vị và người chịu trách nhiệm của đơn vị được kiểm tra báo cáo, cung cấp các tài liệu cho công tác kiểm tra và trả lời những vấn đề do ủy ban kiểm tra nêu ra.
4. Báo cáo kết luận kiểm tra và đề xuất các hình thức xử lý với cơ quan thường trực của ban chấp hành công đoàn cùng cấp. Những kiến nghị của ủy ban kiểm tra không được cơ quan thường trực giải quyết thì ủy ban kiểm tra có quyền báo cáo với ban chấp hành công đoàn cùng cấp và báo cáo lên ủy ban kiểm tra công đoàn cấp trên.
5. Ủy viên ủy ban kiểm tra được học tập, bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ về công tác kiểm tra.

4. Ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp (Mục 28 Hướng dẫn 238/HĐ-TLĐ ngày 04/3/2014 hướng dẫn thi hành Điều lệ Công đoàn)

28.1. Ủy ban kiểm tra các cấp được thành lập từ công đoàn cơ sở trở lên, do ban chấp hành cùng cấp bầu, gồm một số ủy viên ban chấp hành và một số ủy viên ngoài ban chấp hành.

28.2. Số lượng ủy viên ủy ban kiểm tra do ban chấp hành công đoàn cùng cấp quyết định theo quy định sau:

- Ủy ban Kiểm tra Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam không quá 15 ủy viên.
- Ủy ban kiểm tra LĐLĐ tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương và tương đương không quá 11 ủy viên.
- Ủy ban kiểm tra công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở không quá 9 ủy viên.
- Ủy ban kiểm tra công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn không quá 7 ủy viên (công đoàn cơ sở thành viên, công đoàn bộ phận, nghiệp đoàn bộ phận không có ủy ban kiểm tra). Công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn có dưới 30 đoàn viên thì cử một ủy viên ban chấp hành làm nhiệm vụ kiểm tra.

4. Ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp (Mục 28 Hướng dẫn 238/HĐ-TLĐ ngày 04/3/2014 hướng dẫn thi hành Điều lệ Công đoàn)

28.3. Tiêu chuẩn ủy viên ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp: Vận dụng theo tiêu chuẩn như ủy viên ban chấp hành công đoàn cùng cấp, ngoài ra ủy viên ủy ban kiểm tra cần có sự hiểu biết về kiến thức pháp luật, kinh tế, quản lý tài chính... có nghiệp vụ và kinh nghiệm làm công tác kiểm tra.

Không cơ cấu những cán bộ, đoàn viên là trưởng, phó ban, phòng tài chính công đoàn; kế toán trưởng, chủ tài khoản và người được ủy quyền chủ tài khoản của công đoàn cùng cấp tham gia ủy ban kiểm tra.

28.4. Nhiệm kỳ của ủy ban kiểm tra theo nhiệm kỳ của ban chấp hành công đoàn cùng cấp. Thời gian hoạt động của ủy ban kiểm tra lâm thời không quá 12 tháng.

5. Sự khác nhau giữa Ủy ban kiểm tra và Ban Thanh tra nhân dân

Ủy ban kiểm tra	Ban Thanh tra nhân dân
<p>- Hoạt động theo Điều lệ Công đoàn Việt Nam khóa XI ngày 30/7/2013.</p>	<p>- Hoạt động theo Nghị định số 99/2005/NĐ-CP ngày 28/7/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra về tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân.</p>
<p>- Chức năng của Ủy ban kiểm tra (Điều 39 Điều lệ Công đoàn Việt Nam): Công tác kiểm tra của công đoàn là nhiệm vụ của ban chấp hành công đoàn mỗi cấp nhằm đảm bảo việc thực hiện Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị và các quy định của tổ chức công đoàn. Mỗi cấp công đoàn phải tổ chức, tiến hành công tác kiểm tra ở cấp đó và chịu sự kiểm tra của công đoàn cấp trên.</p>	<p>- Chức năng của Ban Thanh tra nhân dân (Điều 2 Nghị định số 99/2005/NĐ-CP): Ban Thanh tra nhân dân được thành lập ở xã, phường, thị trấn, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước để giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, góp phần phát huy dân chủ, đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức.</p>

5. Sự khác nhau giữa Ủy ban kiểm tra và Ban Thanh tra nhân dân (tt)

Ủy ban kiểm tra	Ban Thanh tra nhân dân
- Nhiệm kỳ 05 năm theo nhiệm kỳ của Công đoàn cơ sở.	- Nhiệm kỳ 02 năm.
- Ủy ban kiểm tra được bầu từ Hội nghị Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở.	- Ban Thanh tra nhân dân được bầu từ Hội nghị Cán bộ, công chức, viên chức.

5. Sự khác nhau giữa Ủy ban kiểm tra và Ban Thanh tra nhân dân (tt)

Ủy ban kiểm tra	Ban Thanh tra nhân dân
<p data-bbox="46 394 915 496">- Nội dung hoạt động của Ủy ban kiểm tra theo Điều 41 Điều lệ Công đoàn:</p> <ol data-bbox="46 542 915 1200" style="list-style-type: none"><li data-bbox="46 542 915 742">1. Giúp ban chấp hành, ban thường vụ thực hiện kiểm tra việc chấp hành Điều lệ Công đoàn đối với công đoàn cùng cấp và cấp dưới.<li data-bbox="46 942 915 1200">2. Kiểm tra công đoàn cùng cấp và cấp dưới khi tổ chức, cán bộ và đoàn viên có dấu hiệu vi phạm Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị và các quy định của công đoàn.	<p data-bbox="915 394 1897 496">- Nội dung hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân theo Điều 27 Nghị định số 99/2005/NĐ-CP:</p> <ol data-bbox="915 542 1897 1200" style="list-style-type: none"><li data-bbox="915 542 1897 899">1. Giám sát cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm ở cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại Điều 29 của Nghị định này. Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì kiến nghị người có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật và giám sát việc thực hiện kiến nghị đó.<li data-bbox="915 942 1897 1200">2. Khi cần thiết được người đứng đầu cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước giao xác minh những vụ việc nhất định.

VII. CÔNG TÁC KIỂM TRA CÔNG ĐOÀN

5. Sự khác nhau giữa Ủy ban kiểm tra và Ban Thanh tra nhân dân (tt)

Ủy ban kiểm tra	Ban Thanh tra nhân dân
<p>3. Kiểm tra việc thu, phân phối, sử dụng, quản lý tài chính, tài sản, hoạt động kinh tế của công đoàn cùng cấp và cấp dưới theo quy định của pháp luật và của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.</p> <p>4. Giúp ban chấp hành, ban thường vụ: giải quyết các khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của công đoàn; tham gia với các cơ quan chức năng nhà nước và người sử dụng lao động giải quyết khiếu nại, tố cáo của đoàn viên, người lao động theo quy định của pháp luật.</p>	<p>3. Khi cần thiết, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền mời đại diện Ban Thanh tra nhân dân tham gia việc thanh tra, kiểm tra tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước; Ban Thanh tra nhân dân có trách nhiệm cử người tham gia, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan khi được yêu cầu.</p> <p>4. Kiến nghị với người đứng đầu cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước khắc phục sơ hở, thiếu sót được phát hiện qua việc giám sát; xử lý kỷ luật đối với tập thể, cá nhân có vi phạm pháp luật; các biện pháp đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cán bộ, công nhân, viên chức; khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác.</p>

5. Sự khác nhau giữa Ủy ban kiểm tra và Ban Thanh tra nhân dân (tt)

Ủy ban kiểm tra	Ban Thanh tra nhân dân
<p>5. Tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ công tác kiểm tra đối với ủy viên ủy ban kiểm tra công đoàn cùng cấp và cấp dưới.</p>	<p>5. Kiến nghị Ban Chấp hành công đoàn cơ sở có các hình thức biểu dương, khuyến khích, động viên cán bộ, công nhân, viên chức đã có thành tích trong việc phát hiện vi phạm pháp luật; tiếp nhận các kiến nghị và phản ánh của công nhân, viên chức, người lao động.</p> <p>6. Đại diện Ban Thanh tra nhân dân được mời tham dự các cuộc họp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước có nội dung liên quan đến nhiệm vụ giám sát của Ban Thanh tra nhân dân.</p> <p>7. Tham dự các cuộc họp của Ban Chấp hành công đoàn cơ sở có nội dung liên quan đến tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân.</p>

5. Sự khác nhau giữa Ủy ban kiểm tra và Ban Thanh tra nhân dân (tt)

Ủy ban kiểm tra	Ban Thanh tra nhân dân
<p>- Số lượng Ủy ban kiểm tra:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Ủy ban Kiểm tra Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam không quá 15 ủy viên.+ Ủy ban kiểm tra LĐLĐ tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương và tương đương không quá 11 ủy viên.+ Ủy ban kiểm tra công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở không quá 9 ủy viên.+ Ủy ban kiểm tra công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn không quá 7 ủy viên (công đoàn cơ sở thành viên, công đoàn bộ phận, nghiệp đoàn bộ phận không có ủy ban kiểm tra). Công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn có dưới 30 đoàn viên thì cử một ủy viên ban chấp hành làm nhiệm vụ kiểm tra.	<p>- Số lượng Ban Thanh tra nhân dân:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước có 3 hoặc 5 hoặc 7 hoặc 9 thành viên. Căn cứ vào số lượng cán bộ, công nhân, viên chức, Ban Chấp hành công đoàn cơ sở dự kiến số lượng thành viên Ban Thanh tra nhân dân và do Đại hội công nhân, viên chức hoặc Đại hội đại biểu công nhân, viên chức quyết định.+ Trường hợp cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước có tính đặc thù hoặc hoạt động sản xuất, kinh doanh phân tán thì Ban Chấp hành công đoàn cơ sở quyết định số lượng thành viên Ban Thanh tra nhân dân phù hợp, đảm bảo hoạt động có hiệu quả.+ Ban Thanh tra nhân dân có trên 5 thành viên được bầu 1 Phó Trưởng ban.

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!